

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ai Giôn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Hương

Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28-7-2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 13-3-2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐST - HNGĐ ngày 06-6-2023, quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST - HNGĐ ngày 29-6-2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Trí D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nông Hải Y, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn ông Bùi Trí D trình bày:

Ông Bùi Trí D (Ông D) và bà **Nông Hải Y** (Bà Y) đi đến chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại **UBND** xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc vào năm 2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có ai mai mối hay ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng. Từ những mâu thuẫn trên khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay, ông D cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D ly hôn với bà Nông Hải Y.

Về con chung: Ông Bùi Trí D và bà Nông Hải Y có 02 con chung là Bùi Quốc Huy, sinh ngày 06-12-2012, Bùi Thị Kim H, sinh ngày 23-8-2016. Hiện nay, con chung là cháu Bùi Quốc Huy đang sống cùng ông D, còn cháu Bùi Thị Kim H đang sống cùng bà Y. Ông Bùi Trí D yêu cầu được nuôi cháu Bùi Quốc Huy, đồng ý để bà Nông Hải Y nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim H, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nông Hải Y đều vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp:*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Y tại địa chỉ Ấp 2, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại phiên tòa sơ thẩm thứ nhất và cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Y đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào **Điều 72, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS**, Tòa án xét xử vắng mặt bà Y.

[2]. *Về hôn nhân:*

Bà Y và ông D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND** xã Hòa Hội được chứng minh bằng Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông D là hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Từ mâu thuẫn này, hai bên không thể tự hòa giải mâu thuẫn mà thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy, bà Y và ông D đã sống ly thân, không còn quan hệ với nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét thấy giữa bà Y và ông D không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1

Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà Y.

[3]. *Về con chung*:

Ông Bùi Trí D và bà Nông Hải Y có 02 con chung là Bùi Quốc Huy, sinh ngày 06-12-2012, Bùi Thị Kim H, sinh ngày 23-8-2016. Hiện nay, con chung là cháu Bùi Quốc Huy đang sống cùng ông D, còn cháu Bùi Thị Kim H đang sống cùng bà Y. Ông Bùi Trí D yêu cầu được nuôi cháu Bùi Quốc Huy, đồng ý để bà Nông Hải Y nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim H, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 04-7-2023 thể hiện: Cháu Bùi Quốc Huy đang sống cùng ông D, còn cháu Bùi Thị Kim H đang sống cùng bà Y.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, cháu Bùi Quốc Huy chung sống với ông D, cháu Bùi Thị Kim H chung sống với bà Y vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của ông D. Ông D đề nghị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Y và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xử lý phần tài sản chung, nợ chung.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ông Bùi Trí D được ly hôn bà Nông Hải Y.

2. *Về con chung*:

Giao cho ông Bùi Trí D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Quốc Huy, sinh ngày 06-12-2012** cho đến khi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Giao cho bà Nông Hải Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Thị Kim H, sinh ngày 23-8-2016** cho đến khi đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Tạm thời ông Bùi Trí D, bà Nông Hải Y không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Bùi Trí D không có yêu cầu.

Ông Bùi Trí D và bà Nông Hải Y được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Ông Bùi Trí D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0011710 ngày 07-3-2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy, ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm (Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đã đóng dấu)

Bùi Ai Giôn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Ai Giôn